

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỆNH VIỆN PHỔI **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 749 /TM-BVP
Về việc mời chào giá thuốc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Các cơ sở kinh doanh được phẩm

Bệnh viện Phổi Đà Nẵng hiện có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng đơn giá, lựa chọn nhà cung cấp thuốc phục vụ hoạt động của Nhà thuốc Bệnh viện Phổi (lần 2).

Bệnh viện Phổi Đà Nẵng kính mời các công ty quan tâm, có khả năng đáp ứng gửi Báo giá với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phổi Đà Nẵng.
2. Thông tin liên hệ của bộ phận tiếp nhận báo giá: Bệnh viện Phổi Đà Nẵng, số 215 đường Nguyễn Đình Tứ, phường Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng.
Số điện thoại liên hệ: 0979.361.286 (Ds Ngọc).
3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhân trực tiếp bản giấy tại địa chỉ: Bệnh viện Phổi Đà Nẵng, số 215 đường Nguyễn Đình Tứ, phường Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng.

File mềm gửi về địa chỉ email: khoaduocbvphn02@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày phát hành thư mời đến trước 16 giờ 00 ngày 28 tháng 11 năm 2025. (Các đơn vị ở xa sẽ căn cứ theo thời gian gửi trên đầu bưu điện).

* Hồ sơ chào giá đựng trong bì/túi được niêm phong và ghi rõ “Báo giá thuốc cho Bệnh viện Phổi Đà Nẵng theo Thư mời ngày 18/11/2025” để tiện theo dõi.

* Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 06 tháng, kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Chi tiết Danh mục yêu cầu báo giá: tại Phụ lục 1 đính kèm
2. Mẫu báo giá tham khảo tại Phụ lục 2 đính kèm.

Các đơn vị điền đầy đủ nội dung về thông tin của thuốc chào giá tại Phụ lục 2 để làm cơ sở lựa chọn thuốc và nhà cung cấp để thực hiện mua sắm tại Nhà thuốc Bệnh viện Phổi. Giá chào phải bao gồm tất cả các chi phí liên quan. Báo giá phải do đại diện hợp pháp của đơn vị ký tên và đóng dấu, ghi rõ hiệu lực của báo giá.



3. Tài liệu gửi kèm báo giá:

- Hồ sơ pháp lý của công ty: Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được với phạm vi kinh doanh phù hợp.

- Bản phôi tô quyết định trúng thầu còn hiệu lực của sản phẩm trong vòng 12 tháng, hồ sơ liên quan đến sản phẩm chào giá có đóng dấu của công ty.

4. Đơn vị báo giá chịu trách nhiệm về tính pháp lý của bảng chào giá và các đơn vị chào giá đảm bảo độc lập, không liên quan với nhau.

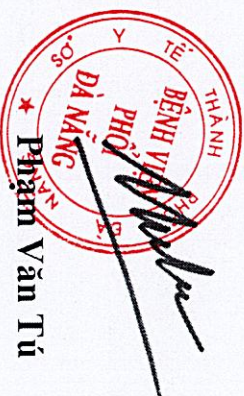
Bệnh viện Phổi Đà Nẵng rất mong nhận được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHTH (để đăng website);
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Tú





Phụ lục 1. DANH MỤC THUỐC MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thư mời số: 749 /TM-BVP ngày 18 tháng 11 năm 2025)

STT	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	Enalapril maleate	N3	5mg	Uống	Viên	Viên	2000
2	Sắt (dưới dạng sắt II sulfat khô); Acid Folic	N4	50mg; 0,35mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2000
3	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	N4	(50mg Fe + 1,33mg Mn + 0,7mg Cu)/ ống 10ml	Uống	Dung dịch uống	Ống	1000
4	Fusidic acid 20mg; Hydrocortisone acetate 10mg	N4	Mỗi 1g chứa: Fusidic acid 20mg; Hydrocortisone acetate 10mg	Dùng ngoài	Kem	Tuýp	200
5	Thiamin mononitrat; Pyridoxin HCl; Cyanocobalamin	N4	250mg; 250mg; 1000µg (mcg)	Uống	Viên nén dài bao phim	Viên	2000
6	Lactobacillus acidophilus	N4	10 ⁸ CFU	Uống	Viên nang cứng	Viên	2000
7	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium)	N4	20 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	500
8	Natri clorid	N4	0,9%/500ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Chai	500
9	Acid Acetylsalicylic	N2	81 mg	Uống	Viên nén	Viên	1000
10	Acyclovir	N4	5%, 5g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	100
11	Amlodipin	N4	5mg	Uống	Viên nén	Viên	5000
12	Amlodipin + atorvastatin	N4	5mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1000
13	Atorvastatin	N4	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1000
14	Azithromycin	N4	250mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	1000
15	Bambuterol	N4	10mg	Uống	Viên nén	Viên	1000
16	Bromhexin hydrochlorid	N4	16mg	Uống	Viên nén	Viên	5000
17	Cefixime	N3	200 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3000
18	Cefuroxime	N3	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3000

STT	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
19	Codein phosphat + Terpin hydrat	N4	10 mg + 100 mg	Uống	Viên nén	Viên	10000
20	Codein/sulfogaiacol/grindelia	N1	14,93/100/20mg	Uống	Viên nén bao đường	Viên	2000
21	Albumin người	N1	10g/50ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Túi	800
22	Sitagliptin/Metformin HCl	BDG	50/850mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	500
23	Sitagliptin/Metformin HCl	BDG	50/1000mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	500
24	Insulin Glargine	N1	100 đơn vị/1ml	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Bút Tiêm	50
25	Insulin analog trộn, hỗn hợp	N5	300IU/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Bút Tiêm	100
26	Gabapentin	N2	300mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	1000
27	Gentamicin sulphat	N4	80mg/2ml	Uống	Dung dịch tiêm	Ống	1000
28	Linezolid	N2	600mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	200
29	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat) 40mg	N2	40mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	500
30	Montelukast	N4	4 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2000
31	Montelukast	N4	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2000
32	Oxomemazin 1,65mg + Paracetamol 33,3mg + Guaifenesin 33,3mg + Natri benzoat 33,3mg	N3	1,65mg + 33,3mg + 33,3mg + 33,3mg	Uống	Viên nang	Viên	1000
33	Roflumilast	N4	0,5mg	Uống	Viên nén	Viên	500
34	Sulfamethoxazole + Trimethoprim	N4	800mg + 160mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1000
35	Trimetazidin	N4	35mg	Uống	viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Viên	1000
36	Fenoterol hydrobromid; Itracopium bromid	N4	0.05mg + 0.02 mg	Xịt họng	Thuốc hít định liều	Bình	300
37	Vitamin B6 + Vitamin PP + Vitamin B5 +	N4	10mg + 50mg + 25mg +	Uống	Viên bao đường	Viên	1000

STT	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
	Vitamin B1 + Vitamin B2		15mg + 15mg				
38	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	N4	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	1000
39	Mỗi ml chứa: Calci (dưới dạng Calci lactat pentahydrat 66,66mg); Thiamine hydrochloride; Riboflavine sodium phosphate; Pyridoxine hydrochloride; Cholecalciferol; Alpha tocopheryl acetate; Nicotinamide; Dexpanthenol; Lysin hydrochloride	N4	8,67mg; 0,2mg; 0,23mg; 0,40mg; 1mcg; 1,00mg; 1,33mg; 0,67mg; 20,0mg.	Uống	Dung dịch uống	Ống	500
40	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii	N4	$1 \times 10^9 - 2 \times 10^9$ CFU	Uống	Thuốc bột uống	Gói	500
41	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	N4	200mg	Uống	Viên nén phân tán	Viên	500
42	L-Arginin L- Aspartat	N4	200mg/ml x 10ml	Uống	Dung dịch uống	Ống	300
43	Mỗi 5ml chứa: Arginin hydroclorid 500mg	N4	500mg/ 5ml	Uống	Dung dịch uống	Ống	300
44	Cao Carduus Marianus (tương đương 100mg silymarin trong đó có 50mg silybin) 200mg; Vitamin B1 8mg; Vitamin B2 8mg; Vitamin B5 16mg; Vitamin B6 8mg; Vitamin PP 24mg	N4	200mg, 8mg, 8mg, 16mg, 8mg, 24mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	500
45	Mỗi 5 ml chứa: Calci glucoheptonat 550mg; Acid ascorbic 50mg; Nicotinamid 25mg	N4	550mg; 50mg; 25mg	Uống	Dung dịch uống,	Ống	300
46	Glucosamine sulfat potassium chloride (tương đương glucosamin sulfate 750mg) 995,22mg; Chondroitin sulfate 250mg	N4	750mg; 250mg	Uống	Viên nén bao phim; uống	Viên	300
47	Silymarin (bột dịch chiết cây kế sữa 280mg)	N4	140mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	2000
48	Cefdinir 300 mg	N4	300 mg	Uống	Viên nén	Viên	500
49	Thiamin mononitrat + Nicotinamid + Pyridoxin hydroclorid + Riboflavin	N4	4,85mg + 20mg + 2 mg + 2mg	Uống	Thuốc cốm uống	Gói	1000
50	Thymomodulin 60mg/10ml	N4	60mg/ 10ml	Uống	Dung dịch uống	Ống	300
51	Piracetam	N4	800 mg/ 8ml	Uống	Dung dịch uống	Ống	200

STT	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
52	Alphachymotrypsin	N4	4200 UI	Uống	Thuốc bột uống	Gói	300
53	Phospholipid đậu nành	N5	600mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	300
54	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat; Vitamin B2 (Riboflavin); Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid); Vitamin PP (Nicotinamid)	N4	5mg; 2mg; 2mg; 20mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	500
55	Gel nhôm hydroxyd khô + Magnesi hydroxyd + Simethicon	N4	(220 mg + 195 mg + 25 mg)/ 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	1000
56	Sắt nguyên tố (dưới dạng Sắt (III) hydroxyd polymaltose)	N4	50mg/10ml; 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	500
57	Kẽm (dưới dạng kẽm gluconat)	N4	1mg/ml; 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	200
58	N-Acetylcystein	N4	200mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	300
59	Magnesium lactat dihydrat + Magnesium pidolat + Pyridoxin hydroclorid	N4	(186mg + 936mg + 10mg)/ 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	500
60	Desloratadin	N4	1,25mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	300
61	Calci ascorbat; Lysin ascorbat	N4	(250mg; 250mg)/5ml	Uống	Dung dịch uống	Ống	300
62	Vitamin A (Retinol palmitat); Vitamin D3 (Cholecalciferol); Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid); Vitamin B2 (Riboflavin); Vitamin PP (Nicotinamid); Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid); Vitamin B12 (Cyanocobalamin); Sắt sulfat; Calci glycerophosphat; Magnesi gluconat; Lysine HCl	N4	300IU; 50IU; 3mg; 3mg; 10mg; 3mg; 5µg (mcg); 16,5mg; 5mg; 5mg; 25mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	500
63	Thymomodulin	N4	120mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	500
64	Methylprednisolon	N4	8mg	Uống	Viên nén phân tán	Viên	1000

STT	Tên hoạt chất	Phân nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
65	Piracetam	N4	1200mg/5ml	Uống	Siro	Ống	300
66	Sắt (dưới dạng Sắt (III) hydroxyd polymaltose)	N4	50mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	Ống	500
67	Arginin hydroclorid	N4	500mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	500
	Tổng cộng: 67 khoản						

Phụ lục 2: Mẫu báo giá

(Kèm theo Thư mời số: /TM-BVP ngày tháng năm 2025)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Phổi Đà Nẵng

Tên hãng sản xuất, nhà cung cấp:.....

Địa chỉ:.....

Tel:.....Mobile.....

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Phổi Đà Nẵng, chúng tôi...[ghi tên Công ty] báo giá cho các thuốc như sau:

1. Báo giá cho các thuốc:

STT	Số TT yêu cầu báo giá	Phân nhóm thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần	Nồng độ, hàm lượng	SDK/GPNK	Đường dung	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Báo giá đã có VAT (VND)	Số lượng	Thành tiền	Giá trúng thầu trong vòng 12 tháng kể từ ngày trúng thầu đến ngày báo giá			
																Giá trúng thầu (VND)	Số quyết định trúng thầu	Đơn vị trúng thầu	Hiệu lực hợp đồng
1																			
2																			
3																			

(Kèm theo là bản copy các Quyết định trúng thầu/các hợp đồng cung cấp thuốc)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:.....ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày tháng năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo qui định của Pháp luật về doanh nghiệp;
- Cam kết về chất lượng của sản phẩm;
- Cam kết chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình; cam kết bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm qui định của Pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá;
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về những thông tin trên.

....., ngày..... tháng.....năm 2025

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu (nếu có))